

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/DS-PT

Ngày: 28/02/2023.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh, Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2022/TLPT-DS ngày 30/11/2022 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 158/2022/DSST, ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐ-PT ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Thị T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Từ Thị H, sinh năm 1958;

Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Võ Thị Minh T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Từ Thị H, Nguyễn Hùng D.

Có mặt tại phiên tòa: Bà Th, bà T; Vắng mặt ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Th trình bày:* Bà có tham gia góp hui do bà H, ông D làm chủ thảo như sau:

Dây hui thứ 01: (ký hiệu trong danh sách chơi hui của bà H là 21C): Hui có lãi giá 1.000.000đồng, khai ngày 03/2/2015, 03 tháng khai 01 lần, có 23 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hui viên hót hui là

500.000 đồng. Dây hội này bà góp được 21 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 20.500.000 đồng;

Dây hội thứ 02: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 29D): Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 05/02/2019, 03 tháng khai 01 lần, có 25 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 11 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 10.500.000 đồng;

Dây hội thứ 03: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 25D). Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 06/9/2018, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 13 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 12.500.000 đồng;

Dây hội thứ 04: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 19D). Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 02/02/2018, 03 tháng khai 01 lần, có 23 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 15 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 14.500.000 đồng;

Dây hội thứ 05: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 21D). Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 02/02/2018, 03 tháng khai 01 lần, có 24 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 15 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 14.500.000 đồng;

Dây hội thứ 06: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H là 3D). Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 15/4/2020, có 27 phần, 01 tháng khai 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 20 lần hội sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng

hụi. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hụi này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hụi và tiền lãi là 19.500.000 đồng;

Dây hụi thứ 07: (ký hiệu trong danh sách chơi hụi của bà H là 19D). Hụi có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 15/4/2020, có 27 phần, 01 tháng khai 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hụi viên hốt hụi là 500.000 đồng, dây hụi này bà góp được 20 lần hụi sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hụi với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hụi viên hốt hụi không đóng tiền hụi, bà không có tiền choàng hụi cho các hụi viên không đóng hụi. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hụi này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hụi và tiền lãi là 19.500.000 đồng;

Dây hụi thứ 08: (ký hiệu trong danh sách chơi hụi của bà H là 10D). Hụi có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 15/5/2020, có 27 phần, 01 tháng khai 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hụi viên hốt hụi là 500.000 đồng, dây hụi này bà góp được 18 lần hụi sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hụi với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hụi viên hốt hụi không đóng tiền hụi, bà không có tiền choàng hụi cho các hụi viên không đóng hụi. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hụi này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hụi và tiền lãi là 17.500.000 đồng;

Tổng cộng 08 dây hụi bà H, ông D còn nợ bà số tiền 129.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền 129.000.000 đồng.

**. Bị đơn bà Từ Thị H trình bày:* Thừa nhận lời trình bày của bà Th là đúng sự thật. Bà Th có tham gia góp hụi do bà và chồng là ông D làm chủ thảo.

Đến nay bà Th đã góp tiền của dây hụi ký hiệu 21C là 11.990.000 đồng, của dây hụi ký hiệu 29D là 5.980.000 đồng, của dây hụi 25D là 6.910.000 đồng, của dây hụi 19D là 8.160.000 đồng, của dây hụi 21D là 7.990.000 đồng, của dây hụi 3D là 13.880.000 đồng, của dây hụi 4D là 13.260.000 đồng, của dây hụi 10D là 11.340.000 đồng. Tổng cộng là 79.510.000 đồng. Đến nay bà H đã trả được 5.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 74.510.000 đồng.

Bà thừa nhận để tạo lòng tin cho các hụi viên khi rủ họ tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ thảo, bà có thỏa thuận: “Hụi có lãi (góp hụi sống được hưởng tiền hụi chết), bà cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hụi viên chưa hốt hụi (hụi sống) và choàng tiền hụi cho các hụi viên chậm góp hụi (hụi chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hụi để giao tiền cho hụi viên hốt hụi và nhận tiền hoa hồng của dây hụi theo thỏa thuận” nhưng đến nay không thực hiện được cam kết này là do một phần ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19, quá nhiều các hụi viên đã hốt hụi không góp lại tiền hụi chết theo thỏa thuận nên bà không còn khả năng choàng hụi, dẫn đến phải ngưng hụi nên vợ chồng bà xin trả lại số tiền bà Th đã góp hụi là 74.510.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Hùng D trình bày: Thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ bà Thu số tiền góp hụi là 74.510.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2022/DSST, ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền 129.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu bà H, ông D trả số tiền 3.000.000 đồng của đây hội 23B.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 13/9/2022, bị đơn Từ Thị H, Nguyễn Hùng D kháng cáo xin được trả nợ hội vốn gốc và xin trả dần cho đến khi hết nợ;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bà Từ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Nguyên đơn Bùi Thị T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Từ Thị H, Nguyễn Hùng D;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hội” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân Sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 13/9/2022 của bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, ông D vắng mặt vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo về việc đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn Từ Thị H thì bà Bùi Thị T có tham gia 08 dây hụi do vợ chồng bà làm chủ thảo như lời trình bày của bà Bùi Thị T và còn nợ số tiền 129.000.000 đồng;

Bà Từ Thị H cũng thừa nhận khi vợ chồng bà làm chủ thảo để tạo niềm tin cho các hụi viên nên bà H cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hụi viên chưa hốt hụi và trả thay tiền hụi cho các hụi viên đã hốt hụi nhưng chậm góp hụi để giao tiền cho hụi viên hốt hụi và nhận tiền hoa hồng từ hụi viên;

Bà Từ Thị H cho rằng: Do một phần ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 và có nhiều hụi viên đã hốt hụi không góp hụi nên bà không còn khả năng trả thay dẫn đến phải ngưng hụi. Vợ chồng bà xin trả lại số tiền vốn đã góp hụi cho bà Th là 74.510.000 đồng.

Bà H không có căn cứ gì chứng minh là bà H không thu được tiền hụi từ các hụi viên đã hốt hụi và cũng không có thỏa thuận nào với các hụi viên về việc tạm ngưng góp hụi vì dịch bệnh;

Bà Bùi Thị T cũng không đồng ý cho vợ chồng bà H, ông D trả vốn gốc 74.510.000 đồng;

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H, ông D không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, bởi vì: Sự thỏa thuận góp hụi giữa bà H, ông D và bà Th là có. Bà H đã cam kết trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay trái đạo đức xã hội, nên bà Th mới tham gia góp hụi. Bà H không thực hiện trả tiền hụi như cam kết là lỗi hoàn toàn thuộc bà H nên bà H phải có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền 129.000.000 đồng là phù hợp như đã thỏa thuận.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D.

[3]. Những thiếu sót tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T nhưng không nêu hậu quả pháp lý của việc đình chỉ này nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp;

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H, ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng các điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 158/2022/DSST, ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị T số tiền 129.000.000 đồng;

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với tiền 3.000.000 đồng của dây hụi 23B mà bà H, ông D là chủ thảo;

Hậu quả của việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T: Bà Th được quyền khởi kiện lại đối với phần đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà H, ông D.

Hoàn lại cho bà Th 3.275.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016531 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 28/02/2023, có mặt bà T, bà Th.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu